TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 682/2023/DS-ST
Ngày: 08 - 9 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Đẹp.

2. Bà Lê Thị Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 408/2023/QĐXXST-DS ngày 26/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 280/2023/QĐST-DS ngày 17/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần B; địa chỉ: 117 đường Q, phường T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Đình H hoặc ông Phạm Trường T; địa chỉ liên lạc: 36A đường P, Phường N, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh Hồ Chí Minh) – theo Giấy ủy quyền số 23/2023/UQ-CNBA ngày 27/3/2023. (ông Phạm Đình H có mặt)

- *Bị đơn:*

+ Ông Nguyễn Huỳnh Bảo K, sinh năm 1982; (vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Thảo Y, sinh năm 1995, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 43/6 ấp T, xã TN, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Minh T, sinh năm 1984; địa chỉ: 95/2/16 đường B, Phường Z, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh H hoặc ông Nguyễn Tấn H2; địa chỉ: 43/10/1/1 Đường A, khu phố B, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh – theo Giấy ủy quyền số công chứng 001669 quyển số 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/3/2022 của Văn phòng công chứng L. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án,nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B, có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Đình H trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần B cho ông Nguyễn Huỳnh Bảo K, bà Nguyễn Thị Thảo Y vay số tiền 441.000.000 đồng, thời hạn 96 tháng để mua xe ô tô, lãi vay 10%/năm trong 12 tháng đầu, kể từ tháng thứ 13 tính theo lãi suất có kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ 4%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi chậm trả 10%/năm trên dư nợ lãi, tiền gốc trả 4.590.000 đồng/tháng, theo Hợp đồng tín dụng số 19/2018/HĐTD/TDH.610 ngày 11/6/2018. Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền vay cho ông K, bà Y theo Khế ước nhận nợ số 01/18/2018/HĐTD-TDH.610 ngày 12/6/2018.

Ông K, bà Y thế chấp xe ô tô hiệu Chevrolet Cruze, màu trắng, biển số 51G-184.96, số khung 696EJH950392, số máy 6D3173390044, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 377211 ngày 06/6/2018 để bảo đảm khoản vay, theo Hợp đồng thế chấp số 19/2018/HĐTC/BAC A - BANK.610 ngày 15/6/2018.

Ông K, bà Y đã thực hiện đúng việc thanh toán cho ngân hàng mỗi tháng 4.590.000 đồng đến hết tháng 8/2020 thì không thanh toán nữa, nên toàn bộ khoản nợ gốc còn lại là 321.660.000 đã chuyển nợ quá hạn và khách hàng vay phải chịu lãi suất nợ quá hạn kể từ tháng 10/2020.

Tính đến ngày 08/9/2023, ông K và bà Y còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 468.874.759 đồng, gồm 321.660.000 đồng nợ gốc, 88.459.636 đồng lãi trong hạn, 44.378.371 đồng lãi quá hạn, 14.376.752 đồng lãi chậm trả trên dư nợ lãi.

Vì vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K, bà Y phải thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên và phải tiếp tục trả tiền lãi, các chi phí phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng kể từ ngày 09/9/2023 cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp ông K, bà Y không trả được nợ, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai ngày 05/4/2022 và Biên bản lấy lời khai ngày 17/8/2023, bị đơn là ông Nguyễn Huỳnh Bảo K trình bày:

Ông K xác nhận việc vợ chồng ông có vay tiền, thế chấp tài sản, các khoản tiền còn nợ đúng như trình bày của phía ngân hàng. Cụ thể: tháng 6/2018, vợ chồng ông được Ngân hàng duyệt cho vay số tiền 441.000.000 đồng để mua 01 chiếc xe ô tô 05 chỗi ngồi hiệu Chevrolet, biển số 51G-184.96, và thế chấp bằng chính chiếc xe này, trả góp hàng tháng. Do dịch bệnh Covid 19, kinh tế khó khăn, ông phải vay nóng số tiền 40.000.000 đồng để trang trải cuộc sống và không có khả năng trả nợ

nên vào khoảng tháng 11/2020 đã bị chủ nợ thu giữ xe ô tô để trừ nợ, ông không biết xe ô tô do ai quản lý, xe ô tô đang ở đâu. Ông K xác nhận tính đến ngày 17/8/2023, vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 464.880.583 đồng, gồm 321.660.000 đồng nợ gốc, 86.797.938 đồng lãi trong hạn, 42.569.446 đồng lãi quá hạn, 13.853.199 đồng lãi chậm trả. Do hoàn cảnh khó khăn, phải nuôi mẹ già và con nhỏ nên ông đề nghị ngân hàng miễn tiền lãi, cho trả nợ gốc mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Mỗi lần ra đường đều có người chặn đường, đe dọa tính mạng của ông nên ông không thể đến Tòa án theo giấy triệu tập, ông mong Tòa án thông cảm cho ông.

Tại bản tự khai và Biên bản làm việc cùng ngày 30/3/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Minh T, có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Minh H trình bày: Ông Vũ Minh T khẳng định không có bất kỳ giao dịch nào với ông Nguyễn Huỳnh Bảo K, không có bất cứ giao dịch nào liên quan đến chiếc xe ô tô biển số 51G-184.96, chữ ký trên bản Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 26/10/2020 do phía ngân hàng cung cấp không phải chữ ký của ông T. Vì vậy, ông T không liên quan đến xe ô tô biển số 51G-184.96 và không liên quan trong vụ án mà Tòa án đang thụ lý giải quyết.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thảo Y đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu ông K, bà Y phải thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 08/9/2023 là 468.874.759 đồng, gồm nợ gốc là 321.660.000 đồng, lãi trong hạn là 88.459.636 đồng, lãi quá hạn là 44.378.371 đồng, lãi chậm trả trên dư nợ lãi là 14.376.752 đồng; đồng thời phải tiếp tục trả tiền lãi, các chi phí phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng kể từ ngày 09/9/2023 cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp ông K, bà Y không trả được nợ, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng Thẩm phán chưa thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, nên kiến nghị rút kinh nghiệm để thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Ngân hàng thương mại cổ phần B có ký hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Huỳnh Bảo K và bà Nguyễn Thị Thảo Y ngày 11/6/2018, cho vay số tiền 441.000.000 đồng, thời hạn vay 96 tháng để mua xe ô tô; ngân hàng đã giải ngân khoản tiền vay này cho ông K, bà Y; ông K thừa nhận khoản vay, các khoản nợ nhưng không trả được nợ đúng hạn do khó khăn gây ra bởi đại dịch Covid 19, đề nghị được trả dần nhưng đến nay không thực hiện, cũng không được phía ngân

hàng chấp nhận. Căn cứ Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp bị đơn không trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là tổ chức tín dụng có tư cách pháp nhân khởi kiện yêu cầu người vay tiền với mục đích tiêu dùng (mua xe ô tô) phải thanh toán các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký; Bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn. Căn cứ vào Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là ông Nguyễn Huỳnh Bảo K, bà Nguyễn Thị Thảo Y; người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Minh T là ông Trần Minh H hoặc ông Nguyễn Tấn H2 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng , trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, kèm Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về việc đối chất: Tòa án đã có Quyết định đối chất số 14/2023/QĐ-ĐC ngày 20/6/2023, về việc tiến hành đối chất làm rõ mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự liên quan đến tài sản thế chấp, và đã tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Tuy nhiên, buổi đối chất vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 13/7/2023 không thực hiện được do ông K, bà Y, ông T vắng mặt không lý do.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc, số tiền 321.660.000 đồng:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 19/2018/HĐTD/TDH.610 ngày 11/6/2018, Ngân hàng cho ông K, bà Y vay số tiền 441.000.000 đồng, ông K phải trả mỗi tháng 4.590.000 đồng trong vòng 96 tháng.

Căn cứ Khế ước nhận nợ số 01/18/2018/HĐTD-TDH.610 ngày 12/6/2018, ông K, bà Y đã nhận đủ số tiền vay 441.000.000 đồng vào ngày 12/6/2018.

Theo trình bày của ngân hàng và xác nhận của ông K, kể từ tháng 9/2020 đến nay ông K, bà Y không thanh toán số tiền 4.590.000 đồng mỗi tháng theo hợp đồng đối với số nợ gốc còn lại là 321.660.000 đồng.

Như vậy, ông K và bà Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thời hạn thanh toán, vi phạm hợp đồng đã ký nên ngân hàng yêu cầu thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc nêu trên là có căn cứ chấp nhận. Việc ông K đề nghị trả nợ gốc mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả xong nhưng không được phía ngân hàng chấp nhận nên không có cơ sở xem xét.

[4.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi:

Tại Điều 3 Hợp đồng tín dụng số 19/2018/HĐTD/TDH.610 ngày 11/6/2018, quy định: lãi suất trong hạn là 10%/năm trong 12 tháng đầu, kể từ tháng thứ 13 tính theo lãi suất có kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ 4%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi chậm trả là 10%/năm được tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm trả lãi.

Như nhận định tại mục [4.1], ông K, bà Y không thanh toán nợ gốc từ tháng 9/2020 đối với dư nợ gốc còn lại là 321.660.000 đồng nên đã bị chuyển thành nợ quá hạn, và người vay tiền phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn, lãi chậm trả trên dư nợ lãi kể từ tháng 10/2020.

Theo Bảng tính lãi ngày 08/9/2023 do ngân hàng cung cấp, mức lãi suất trong hạn cao nhất không vượt quá 13,40%/năm, mức lãi suất quá hạn cao nhất không vượt quá 20,10%, mức lãi suất lãi chậm trả 10%/năm trên dư nợ lãi là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng, phù hợp thực tế quá trình thực hiện hợp đồng và phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Do đó, tiền lãi mà ông K, bà Y còn nợ tính đến ngày 08/9/2023 được xác định là: lãi trong hạn là 88.459.636 đồng, lãi quá hạn là 44.378.371 đồng, lãi chậm trả là 14.376.752 đồng đúng như bảng tính lãi nêu trên.

Bị đơn ông Nguyễn Huỳnh Bảo K trình bày ý kiến, đồng ý thống nhất các khoản tiền lãi do phía ngân hàng tính là đúng, và đề nghị miễn tiền lãi nhưng không được phía ngân hàng chấp nhận nên không có cơ sở xem xét về đề nghị miễn tiền lãi của ông K.

Như vậy, ông K, bà Y là người vi phạm nghĩa vụ trả tiền, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải có trách nhiệm thanh toán các khoản tiền lãi phát sinh cho ngân hàng nên yêu cầu thanh toán tiền lãi nêu trên của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

[4.3] Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp:

Căn cứ Hợp đồng thế chấp số 19/2018/HĐTC/BAC A - BANK.610 ngày 15/6/2018, và sự thừa nhận của các bên, có cơ sở xác định: ông K, bà Y thế chấp cho ngân hàng 01 xe ô tô hiệu Chevrolet Cruze, màu trắng, biển số 51G-184.96, số khung 696EJH950392, số máy 6D3173390044, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 377211 ngày 06/6/2018 để bảo đảm khoản vay, đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Đà Nẵng ngày 11/6/2018. Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật và các bên có nghĩa vụ thi hành nên trường hợp ông K, bà Y không trả được nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với thỏa thuận đã ký giữa các bên, đúng quy định của pháp luật.

[5] Đối với ý kiến trình bày của ông K về việc bị thu giữ 01 xe ô tô biển số 51G-184.96 để trừ nợ:

Ông K trình bày bị chủ nợ thu giữ xe ô tô để trừ khoản nợ 40.000.000 đồng do mất khả năng thanh toán, theo Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 26/10/2020, không biết ai đang quản lý, sử dụng xe.

Ông Vũ Minh T, người được cho là bên mua xe, khẳng định chữ ký trên hợp đồng ngày 26/10/2020 không phải chữ ký của ông T, ông T không có bất kỳ giao dịch nào với ông K, không có giao dịch nào liên quan đến xe ô tô biển số 51G-184.96.

Đại diện ngân hàng xác định không biết thông tin liên quan, ngoài việc ông K cung cấp cho ngân hàng bản hợp đồng; bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 377211 ngày 06/6/2018 của xe ô tô biển số 51G-184.96 đang do ngân hàng quản lý; ngân hàng giao xe cho ông K quản lý, sử dụng, khai thác nên ông K phải chịu trách nhiệm về tài sản thế chấp.

Ông K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc bị thu giữ xe, xe đang do ai quản lý, sử dụng xe và được lưu giữ tại đâu, cũng không trình báo cơ quan có thẩm quyền về việc bị thu giữ xe.

Do đó, nội dung trình bày này của ông K là không có cơ sở xem xét.

[6] Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ"*. Ông K cho rằng bị chủ nợ thu giữ xe để trừ nợ nhưng không trình báo với Cơ quan chức năng, không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên phải tự chịu trách nhiệm và Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[7] Ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn là cùng quan điểm với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc ông Nguyễn Huỳnh Bảo K và bà Nguyễn Thị Thảo Y phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 08/9/2023 là 468.874.759 đồng, gồm nợ gốc là 321.660.000 đồng, lãi trong hạn là 88.459.636 đồng, lãi quá hạn là 44.378.371 đồng, lãi chậm trả trên dư nợ lãi là 14.376.752 đồng; đồng thời phải tiếp tục trả tiền lãi, các chi phí phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng kể từ ngày 09/9/2023 cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp ông K, bà Y không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 7, 8, 10, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc ông Nguyễn Huỳnh Bảo K và bà Nguyễn Thị Thảo Y có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B tổng số tiền tính đến ngày 08/9/2023 là 468.874.759 đồng, gồm tiền nợ gốc là 321.660.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 88.459.636 đồng, tiền lãi quá hạn là 44.378.371 đồng, tiền lãi chậm trả trên dư nợ lãi là 14.376.752 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 19/2018/HĐTD/TDH.610 ngày 11/6/2018.

2. Ngay sau khi ông Nguyễn Huỳnh Bảo K và bà Nguyễn Thị Thảo Y thanh toán xong khoản nợ nêu trên, Ngân hàng thương mại cổ phần B phải trả lại cho ông Nguyễn Huỳnh Bảo K và bà Nguyễn Thị Thảo Y 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 377211 ngày 06/6/2018.

3. Trường hợp ông Nguyễn Huỳnh Bảo K và bà Nguyễn Thị Thảo Y không thanh toán hoặc không thanh toán đủ, Ngân hàng thương mại cổ phần B được quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là 01 chiếc xe ô tô hiệu Chevrolet Cruze, màu trắng, biển số 51G-184.96, số khung 696EJH950392, số máy 6D3173390044, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 377211 ngày 06/6/2018, theo Hợp đồng thế chấp số 19/2018/HĐTC/BAC A - BANK.610 ngày 15/6/2018, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Đà Nẵng ngày 11/6/2018 để thu hồi nợ.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Huỳnh Bảo K và bà Nguyễn Thị Thảo Y phải chịu số tiền 22.754.990 đồng, thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền 8.531.713 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0075152 ngày 19/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Huy

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.